

Bản án số: 22/2024/HS-ST
Ngày 06-3-2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN LÂM, TỈNH HƯNG YÊN**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Văn Mười.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Trọng Thực.
2. Bà Nguyễn Thị Ngà.

Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Đăng – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên: Bà Phạm Thị Phụng - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 06 tháng 3 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 16/2024/HSST ngày 05 tháng 02 năm 2024, quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2024/QĐXX-HS ngày 23 tháng 02 năm 2024, đối với các bị cáo:

1. Bùi Văn S (Bùi Đình S), sinh năm 1994.

Nơi sinh, cư trú: Xóm G, xã C, huyện L, tỉnh Hòa Bình. Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Bùi Văn S và bà Nguyễn Thị Ch; vợ; con: Chưa có; Tiền án: Ngày 07/11/2011, bị Tòa án nhân dân huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình xử phạt 18 tháng tù (*trừ đi 02 tháng tạm giam còn 16 tháng*) nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 32 tháng về tội “*Cưỡng đoạt tài sản*” theo Bản án hình sự sơ thẩm số 53/2011/HSST. (Ngày 21/3/2012, Sinh chấp hành nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm).

+ Ngày 16/8/2013, bị Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Hòa Bình xử phạt 09 tháng tù về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” theo Bản án hình sự sơ thẩm số 66/2013/ HSST, tổng hợp hình phạt với Bản án hình sự sơ thẩm số 53/2011/HSST là 25 tháng tù giam. Ngày 27/02/2015, Sinh chấp hành xong án phạt tù. Ngày 05/11/2013, Sinh nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 200.000 đồng án phí dân sự (*tái phạm*).

+ Ngày 26/01/2016, bị Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Hòa Bình xử phạt 03 năm tù về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” theo Bản án hình sự sơ thẩm số 02/2016/HSST(*tái phạm nguy hiểm*).

+ Ngày 29/01/2016, bị Tòa án nhân dân huyện C, TP Hà Nội xử phạt 03 năm tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo Bản án hình sự sơ thẩm số 09/2016/HSST (đến thời điểm phạm tội là tái phạm nguy hiểm). Tổng hợp hình phạt của 02 bản án là 06 năm tù. Đến ngày 06/02/2021, Sinh chấp hành xong án phạt tù, đến nay Sinh chưa chấp hành nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm của 02 bản án trên. Tiền sự: Không. Hiện bị cáo đang bị tạm giam trại Trại tạm giam Công an tỉnh Hà Nam theo Quyết định tạm giam của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam. Có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Văn Th, sinh năm 1996.

Nơi sinh, cư trú: Xóm G, xã C, huyện L, tỉnh Hòa Bình. Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa 5/12; dân tộc: Mường; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn H (đã chết) và bà Cao Thị H; vợ; con: Chưa có; Tiền án: Ngày 18/8/2015, bị Tòa án nhân dân huyện C, thành phố Hà Nội xử phạt 10 năm 6 tháng tù về tội “*Cướp giật tài sản*” theo Bản án hình sự sơ thẩm số 88/2015/HSST. Đến ngày 14/6/2022, Thành chấp hành xong án phạt tù (*chưa xóa án tích*). Hiện bị cáo đang bị tạm giam trại Trại tạm giam Công an tỉnh Hà Nam theo Quyết định tạm giam của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam. Có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Anh Đỗ Văn Th, sinh năm 1997, vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn X, xã Đ, huyện V, tỉnh Hưng Yên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bùi Văn S đã có 04 tiền án chưa được xóa án tích và Nguyễn Văn Th cùng thôn với S đều ở xóm G, xã C, huyện L, tỉnh Hòa Bình là những đối tượng không có nghề nghiệp ổn định. Do muốn có tiền tiêu sài cá nhân nên cả hai đã nảy sinh ý định trộm cắp tài sản của người khác để bán lấy tiền. Khoảng 00 giờ ngày 13/7/2023, khi cả hai đang ở phòng trọ của Th thuê tại thôn Siêu Nghệ, xã Nhật Tựu, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam thì Th và S bàn bạc, rủ nhau đến địa bàn tỉnh Hưng Yên trộm cắp tài sản. Sau khi đã thống nhất xong, S mang theo 01 chiếc vạm phá khóa, 01 chiếc tuốc nơ vít, 01 chiếc cờ lê cỡ 10- 12 và 01 chiếc kéo, S cất các dụng cụ trên vào túi áo khoác gió màu đen đang mặc trên người, sau đó Th điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream, màu nâu, không gắn biển số (xe của S) chở S ngồi phía sau đi từ phòng trọ ở thôn Siêu Nghệ, xã Nhật Tựu, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam đến tỉnh Hưng Yên. Đến khoảng 03 giờ 15 phút cùng ngày, Th và S đi đến thôn X, xã Đ, huyện V, tỉnh Hưng Yên. Cả hai đi đến một ngõ nhỏ, S bảo Th dừng xe lại ở đầu ngõ để S đi bộ vào phía trong ngõ xem có tài sản sơ hở sẽ trộm cắp, Th đồng ý rồi tắt máy, quay ngược đầu xe ra hướng ngoài đường đứng đợi. S đi bộ đến cuối ngõ thì thấy nhà anh Đỗ Văn Th sinh năm 1997 ở thôn X, xã Đ, huyện V cổng khép, có cài then nhưng không khóa, quan sát xung quanh không có ai, S nhẹ nhàng kéo then cửa, mở cổng đi vào trong sân rồi đi đến lán để xe. Quan sát thấy góc trong cùng bên tay phải theo hướng từ cổng vào có để 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Lead, 02 xe mô tô Honda Wave, 01 chiếc xe đạp và 01 chiếc xe máy điện

gần nhau. S thấy chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, biển số 89L1-2 của anh Đỗ Văn Th không khóa cổ, không khóa càng, S liền dắt chiếc xe ra đầu ngõ đi đến vị trí Th đang đợi, S dùng tay đầu nối dây điện của ổ khóa lại với nhau thì nổ được máy. Sau đó, S điều khiển chiếc xe mô tô vừa trộm cắp được, Th điều khiển xe mô tô của S để đi về phòng trọ. Trên đường đi, Th và S dừng xe lại ở ven đường, S lấy chiếc cờ lê (mang theo từ trước) tháo biển số 89L1-273.39 vít ở ven đường rồi cả hai tiếp tục điều khiển xe đi về phòng trọ của Th ở thôn Siêu Nghệ. Về đến nơi, Th và S mở cốp chiếc xe vừa trộm cắp được kiểm tra thì bên trong không có gì.

Ngày 14/7/2023, Th điều khiển xe mô tô Honda Dream, màu nâu, không gắn biển số mà Th và S chở nhau đi trộm cắp tài sản đến khu vực quán nước ở rìa đường thuộc địa phận thành phố Hà Nội bán cho một người đàn ông đi đường không rõ tên, tuổi, địa chỉ được số tiền 5.000.000 đồng (không nhớ địa điểm bán xe). Còn chiếc xe trộm cắp được của anh Th thì cả hai giữ làm phương tiện đi lại. Đến khoảng 04 giờ ngày 20/7/2023, khi S đang điều khiển chiếc xe mô tô trộm cắp của anh Th chở Th để tiếp tục đi trộm cắp tài sản tại địa bàn huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam thì bị Phòng Cảnh sát Hình sự - Công an tỉnh Hà Nam phát hiện bắt giữ Th và S và thu giữ chiếc xe mô tô mà Th và S đã trộm cắp của anh Th cùng một số vật chứng khác.

Quá trình xác minh xác định S và Th đã thực hiện hành vi phạm tội tại địa bàn tỉnh Hà Nam nên ngày 28/7/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh Hà Nam ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự “*Trộm cắp tài sản*” và “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” đối với Bùi Văn S, Nguyễn Văn Th, đồng thời áp dụng biện pháp tạm giam đối với S và Th.

Ngày 17/11/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh Hà Nam đã bàn giao hồ sơ, vật chứng là 01 chiếc xe mô tô, nhãn hiệu Honda Wave, màu sơn đen bạc, biển số 89L1-2 cho Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Văn Lâm để giải quyết theo thẩm quyền.

Ngày 28/11/2023, Hội đồng định giá tài sản huyện Văn Lâm có Bản kết luận định giá tài sản số: 74/KL-HĐĐG, kết luận: «*Chiếc xe mô tô, nhãn hiệu Honda Wave, màu sơn đen bạc, biển kiểm soát 89L1-2, tại thời điểm ngày 13/7/2023 có giá trị là 11.000.000 đồng (Mười một triệu đồng).*»

Ngày 12/12/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Văn Lâm đã trả lại chiếc xe mô tô trên cho anh Th. Anh Th đã nhận lại tài sản tự nguyện không không yêu cầu bồi thường gì thêm.

Đối với 01 vạm phá khóa, 01 tước nơ vít, 01 cờ lê cỡ 10 - 12 và 01 chiếc kéo ngày 20/7/2023, Phòng Cảnh sát Hình sự - Công an tỉnh Hà Nam đã thu giữ, quản lý.

Đối với chiếc xe xe mô tô Honda Dream, màu nâu, không gắn biển số là xe của S dùng làm phương tiện đi trộm cắp tài sản S đã bán chiếc xe trên tại khu vực quán nước ở rìa đường tại Thành phố Hà Nội (không nhớ địa điểm) cho người đàn ông không rõ tên tuổi, địa chỉ; Còn chiếc biển số xe 89L1-273.39 xe mô tô của anh Đỗ

Văn Th, S và Th cũng không nhớ địa điểm đã tháo biển số vớt ở ven đường nên cơ quan điều tra không thu giữ được.

Tại bản cáo trạng số 13/CT-VKS ngày 01/02/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Lâm truy tố bị cáo Th về tội “Trộm cắp tài sản” theo Khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự; truy tố bị cáo S về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm g Khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa; các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và đề nghị giảm nhẹ hình phạt. Các bị cáo đều trình bày xe mô tô sử dụng để trộm cắp các bị cáo đã bán cho người không rõ tên, địa chỉ được 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng), số tiền này bị cáo Th quản lý.

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố các bị cáo Bùi Văn S (Bùi Đình S) và Nguyễn Văn Th đều phạm tội Trộm cắp tài sản.

Áp dụng: Điểm g Khoản 2 Điều 173; Điểm s Khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Bùi Văn S (Bùi Đình S) từ 04 năm đến 04 năm 06 tháng tù, thời gian tù tính từ ngày thi hành bản án.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 173; Điểm s Khoản 1 Điều 51; Điểm h Khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Th từ 02 năm đến 02 năm 03 tháng tù, thời gian tù tính từ ngày thi hành bản án.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Các biện pháp tư pháp: Áp dụng Điểm a Khoản 1 Điều 46; Khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự:

Truy thu của bị cáo Nguyễn Văn Th số tiền 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) sung ngân sách Nhà nước.

Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng: Không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Buộc các bị cáo chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] *Về thủ tục tố tụng;* việc khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử vụ án đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Các quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can, bản cáo trạng, quyết định đưa vụ án ra xét xử được tổng đạt cho các bị cáo đúng pháp luật; việc lấy lời khai những người tham gia tố tụng, hỏi cung bị can đều đảm bảo. Quá trình điều tra, truy tố, xét xử các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có khiếu nại gì. Hội đồng xét xử xác định việc điều tra, truy tố, xét xử đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] *Về nội dung*; lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên toà phù hợp với lời khai của các bị cáo có trong hồ sơ, phù hợp với lời khai bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, với các chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ.

Với các chứng cứ nêu trên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 03 giờ 00 phút ngày 13/7/2023 tại thôn X, xã Đ, huyện V, tỉnh Hưng Yên, bị cáo Bùi Văn S đã có 04 tiền án chưa được xóa án tích và bị cáo Nguyễn Văn Th đã thực hiện hành vi lén lút, bí mật vào lán để xe của gia đình anh Đỗ Văn Th ở thôn X, xã Đ, huyện V, tỉnh Hưng Yên trộm cắp 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu sơn đen bạc, biển số: 89L1-2, trị giá 11.000.000 đồng (mười một triệu đồng). S và Th đã dùng chiếc xe trên làm phương tiện đi lại, khi cả hai đang tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp tài sản tại huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh Hà Nam phát hiện bắt giữ cùng vật chứng có liên quan. Sau đó vụ án được chuyển đến Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Văn Lâm để giải quyết theo thẩm quyền.

Hành vi như nêu ở trên của bị cáo Bùi Văn S và Nguyễn Văn Th đã phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”. Hành vi của Nguyễn Văn Th được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Còn Bùi Văn S đã có 04 tiền án, chưa được xóa án tích nay lại tiếp tục phạm tội nên lần này phạm tội thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Lâm truy tố các bị cáo theo tội danh và điều luật viện dẫn như cáo trạng đã nêu là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an xã hội.

Xét về vụ án này có đồng phạm tham gia thực hiện tội phạm, nhưng tính chất đồng phạm giản đơn. Các bị cáo đều là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng do động cơ tư lợi cá nhân, muốn chiếm đoạt tài sản của người khác để chi tiêu cá nhân nhưng không chịu lao động nên đã phạm tội. Các bị cáo đều có nhân thân xấu, bị cáo Th đã bị kết án, bị cáo S nhiều lần bị kết án về hành vi phạm tội, đều chưa được xóa án tích, nay lại tiếp tục phạm tội chứng tỏ ý thức không chịu sửa chữa, rèn luyện của các bị cáo, nên cần áp dụng hình phạt tương xứng thì mới đủ điều kiện cải tạo, giáo dục các bị cáo đồng thời phòng ngừa các hành vi tương tự xảy ra.

Vai trò các bị cáo trong vụ án xác định như sau: Hai bị cáo đều thực hiện hành vi tích cực, giữ vai trò ngang nhau, cùng bàn bạc đi trộm cắp, khi bị cáo S vào lấy tài sản Th ở ngoài cảnh giới, cùng nhau mang tài sản về Hà Nam sử dụng. Tuy nhiên bị cáo S phạm tội theo quy định tại khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự, nên hình phạt sẽ cao hơn bị cáo Th. Bị cáo S đã chịu tình tiết định khung, nên không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là tái phạm quy định tại điểm h khoản 1 điều 52 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Th phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là tái phạm quy định tại điểm h khoản 1 điều 52 Bộ luật Hình sự.

Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử thấy, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 điều 51 Bộ luật Hình sự các bị cáo được hưởng. Hội đồng xét xử có căn cứ để giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Việc các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội trên địa bàn tỉnh Hà Nam, các cơ quan chức năng tỉnh Hà Nam đang giải quyết theo pháp luật, do chưa có căn cứ tổng hợp bản án theo quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử không xem xét và tổng hợp bản án, sau này các bản án có hiệu lực pháp luật sẽ được tổng hợp theo quy định của pháp luật. Các bị cáo bị tạm giam theo Quyết định tạm giam của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam, nên thời hạn thi hành hình phạt trong vụ án này sẽ tính từ ngày thi hành bản án.

[3] *Về hình phạt bổ sung*: Tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 còn quy định hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên các bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, không có tài sản riêng; Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[4] *Các biện pháp tư pháp: Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng*: Ngày 12/12/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Văn Lâm đã trả lại chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu sơn đen bạc, biển số 89L1-2 cho anh Th. Anh Th đã nhận lại tài sản tự nguyện không yêu cầu bồi thường gì thêm; đối với biển số xe các bị cáo đã tháo vứt đi không thu hồi lại được, nhưng anh Th cũng không có yêu cầu gì, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với 01 vạm phá khóa, 01 tuốc nơ vít, 01 cờ lê cỡ 10 - 12 và 01 chiếc kéo các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội, ngày 20/7/2023, Phòng Cảnh sát Hình sự - Công an tỉnh Hà Nam đã thu giữ, quản lý, được xử lý trong vụ án khác, Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này.

Đối với chiếc xe xe mô tô Honda Dream, màu nâu, không gắn biển số là xe của Sinh dùng làm phương tiện đi trộm cắp tài sản, tại phiên tòa các bị cáo khai bán cho người không biết tên tuổi, địa chỉ được số tiền 5.000.000 đồng (năm triệu đồng), số tiền này bị cáo Th quản lý, nên sẽ truy thu của bị cáo Th số tiền này sung ngân sách Nhà nước.

[5] *Về án phí*: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án, nên buộc các bị cáo chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Các bị cáo Bùi Văn S (Bùi Đình S) và Nguyễn Văn Th đều phạm tội Trộm cắp tài sản.

Áp dụng: Điểm g Khoản 2 Điều 173; Điểm s Khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Bùi Văn S (Bùi Đình S) 04 năm tù, thời gian tù tính từ ngày thi hành bản án.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 173; Điểm s Khoản 1 Điều 51; Điểm h Khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn Th 02 năm tù, thời gian tù tính từ ngày thi hành bản án.

Các biện pháp tư pháp: Áp dụng Điểm a Khoản 1 Điều 46; Khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự:

Truy thu của bị cáo Nguyễn Văn Th số tiền 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) sung ngân sách Nhà nước.

Về trách nhiệm dân sự, vật chứng: Không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Buộc các bị cáo Bùi Văn S (Bùi Đình S) và Nguyễn Văn Th mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án các bị cáo được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân, Công an huyện Văn Lâm;
- Bị cáo; bị hại;
- Lưu hồ sơ.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Văn Mười